

SƠ ĐỒ PHÒNG THI TUYỂN SINH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành		
Thứ ba	Bác sĩ nội trú	7A	Tiếng Anh	100	Hệ nội(100)		
		7B		101	Hệ ngoại(101)		
		7C		67	Hệ ngoại(35)	Y học cổ truyền.(10)	Răng - Hàm - Mặt.(22)
		7D		53	Hệ nội(47)	Giải phẫu bệnh(6)	
	Chuyên khoa cấp II	4C	Tiếng Anh	89	Lão khoa.(3)	Gây mê hồi sức.(2)	Nội tiêu hóa(3)
					Nội hô hấp(2)	Nội thận - tiết niệu(4)	Nội tim mạch(6)
					Nội tiết.(4)	Hồi sức cấp cứu.(6)	Nhi - Sơ sinh.(4)
					Nhi - Tiêu hóa.(3)	Nhi - Hô hấp.(1)	Nhi - Hồi sức(6)
					Y học gia đình.(2)	Y học cổ truyền.(5)	Truyền nhiễm.(1)
					Ung thư.(4)	Mũi họng(3)	X quang(2)
					Siêu âm(1)	Quản lý y tế(2)	Tâm thần.(1)
					Nhi: Huyết học - Ung bướu(2)	Da liễu.(3)	Giải phẫu bệnh.(2)
					Huyết học.(1)	Lao.(7)	
					Thần kinh.(2)	Tổ chức Quản lý dược(7)	
			Tiếng Pháp	1	Lão khoa.(1)		
	4D	Tiếng Anh	89	Ngoại khoa.(10)	Ngoại - nhi.(2)	Ngoại - lồng ngực.(6)	
				Ngoại thần kinh - sọ não.(5)	Ngoại thận và tiết niệu.(7)	Chấn thương chỉnh hình.(13)	
Nhân khoa.(9)				Sản phụ khoa.(24)	Răng - Hàm - Mặt(13)		

06/10/2020 Từ 12 giờ 30 đến 15 giờ 30	Thạc sĩ	4A	Tiếng Anh	76	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(40)	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(28)	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(8)
		4B		81	Giải phẫu bệnh.(5)	Mô phôi.(1)	Hóa sinh.(5)
					Sinh lý học.(1)	Y học dự phòng.(21)	Y tế công cộng.(25)
				Y học cổ truyền.(21)	Giải phẫu học.(2)		
		5A		118	Dược lý và dược lâm sàng(118)		
		5B	Tiếng Pháp	115	Nội khoa.(51)	Da liễu.(64)	
				1	Da liễu.(1)		
		5C	Tiếng Anh	76	Lão khoa.(17)	Huyết học và truyền máu.(10)	Thần kinh.(10)
					Tâm thần.(4)	Gây mê hồi sức.(12)	Nội tiết.(11)
		Truyền nhiễm.(7)			Lao.(5)		
		5D		72	Dược liệu - Dược học cổ truyền(16)	Tổ chức Quản lý dược(56)	
		6A		106	Điều dưỡng(54)	Kỹ thuật xét nghiệm y học(52)	
		6B		117	Tai - Mũi - Họng.(35)	Nhi khoa.(26)	Nhãn khoa.(29)
Răng - Hàm - Mặt(27)							
6C	96	Ngoại khoa.(23)		Ngoại - nhi.(6)	Ngoại - lồng ngực.(12)		
		Ngoại thần kinh - sọ não.(11)		Ngoại thận và tiết niệu.(13)	Chấn thương chỉnh hình.(31)		
6D	87	Sản phụ khoa.(51)		Chẩn đoán hình ảnh.(24) Ung thư.(12)			

	Bác sĩ nội trú	7A	Môn 3 (Nội khoa)	120	Hệ nội(120)		
		7B	Môn 3 (Ngoại khoa)	135	Hệ ngoại(135)		
		7C	Môn 3 (Lý luận YHCT)	16	Y học cổ truyền.(16)		
			Môn 3 (Nha khoa)	24	Răng - Hàm - Mặt.(24)		
			Môn 3 (Ngoại khoa)	56	Hệ ngoại(56)		
		7D	Môn 3 (Nội khoa)	82	Hệ nội(75) Giải phẫu bệnh(7)		
	Chuyên khoa cấp II	6C	Chẩn đoán hình ảnh	5	X quang(2) Siêu âm(3)		
			Chấn thương chỉnh hình	15	Chấn thương chỉnh hình.(15)		
			Giải phẫu bệnh	3	Giải phẫu bệnh.(3)		
			Ngoại khoa	12	Ngoại khoa.(12)		
			Ngoại lồng ngực	7	Ngoại - lồng ngực.(7)		
			Ngoại nhi	2	Ngoại - nhi.(2)		
			Ngoại niệu	7	Ngoại thận và tiết niệu.(7)		
			Ngoại thần kinh	6	Ngoại thần kinh - sọ não.(6)		
			Nhãn khoa	16	Nhãn khoa.(16)		
			Tai mũi họng	5	Mũi họng(5)		
			Ung thư	6	Ung thư.(6)		
		9A1	Quản lý dược	9	Tổ chức Quản lý dược(9)		
			Sản phụ khoa	29	Sản phụ khoa.(29)		
			Y học cổ truyền	5	Y học cổ truyền.(5)		
		9B	Nội khoa	19	Nội tiêu hóa(3) Nội hô hấp(3) Nội thận - tiết niệu(5) Nội tim mạch(8)		
			RHM chuyên ngành	17	Răng - Hàm - Mặt(17)		
			Tổ chức quản lý y tế	5	Quản lý y tế(5)		

**Thứ tư
07/10/2020
Từ 07 giờ
đến 09 giờ 30**

PHT12A	Da liễu	4	Da liễu.(4)		
	Gây mê hồi sức	4	Gây mê hồi sức.(4)		
	Hồi sức cấp cứu	7	Hồi sức cấp cứu.(7)		
	Huyết học	1	Huyết học.(1)		
	Lao	8	Lao.(8)		
	Lão khoa	5	Lão khoa.(5)		
	Nhi khoa	25	Nhi - Sơ sinh.(5)	Nhi - Tiêu hóa.(4)	Nhi - Hô hấp.(3)
			Nhi - Tim mạch.(1)	Nhi - Hồi sức(9)	Nhi: Huyết học - Ung bướu(3)
	Nội tiết	6	Nội tiết.(6)		
	Tâm thần	1	Tâm thần.(1)		
	Thần kinh	3	Thần kinh.(3)		
	Truyền nhiễm	1	Truyền nhiễm.(1)		
	Y học gia đình	2	Y học gia đình.(2)		
	4A	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa - ngoại khoa	77	Điều dưỡng(77)	
	4B	Dược liệu	17	Dược liệu - Dược học cổ truyền(17)	
		Pháp chế dược và Kinh tế dược	64	Tổ chức Quản lý dược(64)	
	4C	Bào chế - CND	48	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(48)	
		Hóa phân tích – KN	38	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(38)	
	4D	Phục hồi chức năng	19	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(19)	
		Xét nghiệm y học	67	Kỹ thuật xét nghiệm y học(67)	
	5A	Nội khoa (Tổng hợp)	117	Nội khoa.(70)	Huyết học và truyền máu.(11)
				Tâm thần.(7)	Thần kinh.(16)
				Nội tiết.(13)	

Thạc sĩ	5B	Gây mê hồi sức	15	Gây mê hồi sức.(15)			
		Nội khoa (Tổng hợp)	111	Lão khoa.(19)	Da liễu.(92)		
	5C	Bệnh học và điều trị kết hợp YHCT	28	Y học cổ truyền.(28)			
		Bệnh truyền nhiễm và CBND (Tổng hợp)	17	Truyền nhiễm.(12)	Lao.(5)		
		Nhi khoa	41	Nhi khoa.(41)			
	5D	Khoa học y sinh (Tổng hợp)	22	Giải phẫu bệnh.(10)	Mô phôi.(2)	Hóa sinh.(5)	
		Y tế công cộng	35	Sinh lý học.(1)	Giải phẫu học.(4)		
			27	Y tế công cộng.(35)			
	6A	Ngoại khoa	128	Y học dự phòng.(27)			
				Ngoại khoa.(29)	Ngoại - nhi.(7)	Ngoại thần kinh - sọ não.(17)	
	6B	Chẩn đoán hình ảnh	37	Ngoại - lồng ngực.(14)	Ngoại thận và tiết niệu.(18)	Chấn thương chỉnh hình.(43)	
				Chẩn đoán hình ảnh.(37)			
				Nhãn khoa	41	Nhãn khoa.(41)	
	6D	Tai mũi họng	49	Tai - Mũi - Họng.(49)			
				Sản phụ khoa	67	Sân phụ khoa.(67)	
Ung thư				16	Ung thư.(16)		
9A2	RHM tổng quát	32	Răng - Hàm - Mặt(32)				
GĐ1	Dược lý và Dược lâm sàng	76	Dược lý và dược lâm sàng(76)				
GĐ2		75	Dược lý và dược lâm sàng(75)				

Thứ tư 07/10/2020	Bác sĩ nội trú	7A	Môn 4 (Nhi khoa)	120	Hệ nội(120)
		7B	Môn 4 (Sản phụ khoa)	134	Hệ ngoại(135)
		7C	Môn 4 (Nội y học cổ truyền)	16	Y học cổ truyền.(16)
			Môn 4 (PT trong miệng và hàm mặt)	24	Răng - Hàm - Mặt.(24)
			Môn 4 (Sản phụ khoa)	56	Hệ ngoại(56)
		7D	Môn 4 (Mô phôi)	7	Giải phẫu bệnh(7)
			Môn 4 (Nhi khoa)	75	Hệ nội(75)
		4A	Chẩn đoán hình ảnh	79	Chẩn đoán hình ảnh.(79)
		4B		79	Chẩn đoán hình ảnh.(79)
		4C	Nhi khoa	90	Nhi khoa.(90)
		4D		90	Nhi khoa.(90)
		5A	Sản phụ khoa	142	Sản phụ khoa.(142)
		5B	Da liễu	139	Da liễu.(139)
		5C	Nội khoa	92	Nội khoa.(92)
		5D		93	Nội khoa.(93)
		6A	Chấn thương chỉnh hình	76	Chấn thương chỉnh hình.(76)
			Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	50	Phẫu thuật tạo hình tái tạo và thẩm mỹ.(50)
		6B	Giải phẫu bệnh	11	Giải phẫu bệnh.(11)
			Ngoại – Lồng ngực	17	Ngoại - lồng ngực.(17)
			Ngoại khoa	53	Ngoại khoa.(53)
			Ngoại nhi	8	Ngoại - nhi.(8)
			Ngoại niệu	25	Ngoại thận và tiết niệu.(25)
			Ngoại thần kinh	25	Ngoại thần kinh - sọ não.(25)

07/10/2020
 Từ 12 giờ 30
 đến 15 giờ

**Chuyên khoa
 cấp I**

6C	Dinh dưỡng	12	Dinh dưỡng.(12)
	Hồi sức cấp cứu	88	Hồi sức cấp cứu.(88)
6D	Gây mê hồi sức	74	Gây mê hồi sức.(74)
	Huyết học	18	Huyết học.(18)
9A1	Nhãn khoa	48	Nhãn khoa.(48)
9A2	Lão khoa	43	Lão khoa.(43)
9B	Tai mũi họng	61	Tai - Mũi - Họng.(61)
9C	Nội tiết	51	Nội tiết.(51)
GĐ1	Phục hồi chức năng	32	Phục hồi chức năng.(32)
	Thần kinh	36	Thần kinh.(36)
	Truyền nhiễm	27	Truyền nhiễm.(27)
GĐ2	RHM chuyên ngành	66	Răng - Hàm - Mặt.(66)
	Ung thư	32	Ung thư.(32)
GĐA_GPH	Công nghệ dược - Hóa dược - Bào chế	27	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(27)
	Dược lý - Dược lâm sàng	22	Dược lý và dược lâm sàng(22)
	Quản lý dược	16	Tổ chức Quản lý dược(16)
	Tổ chức quản lý y tế	3	Y học dự phòng.(3)
PHT12A	Chăm sóc giảm nhẹ	1	Chăm sóc giảm nhẹ.(1)
	Hóa sinh	3	Hóa sinh.(3)
	Lao	11	Lao.(11)
	Tâm thần	8	Tâm thần.(8)
	Vi sinh	2	Vi sinh y học.(2)
	Y học cổ truyền	38	Y học cổ truyền.(38)
GĐB-GPH	Y học gia đình	32	Y học gia đình.(32)

Thứ năm 08/10/2020 Từ 07 giờ đến 09 giờ 30	Bác sĩ nội trú	7A	Môn 2 (Tổng hợp)	120	Hệ nội(120)		
		7B		134	Hệ ngoại(135)		
		7C		96	Hệ ngoại(56)	Y học cổ truyền.(16)	Răng - Hàm - Mặt.(24)
		7D		82	Hệ nội(75)	Giải phẫu bệnh(7)	
	Thạc sĩ	4A	Sinh lý	77	Điều dưỡng(77)		
		4B	Hóa hữu cơ	81	Dược liệu - Dược học cổ truyền(17)	Tổ chức Quản lý dược(64)	
		4C		86	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc(48)	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(38)	
		4D	Sinh lý	86	Kỹ thuật xét nghiệm y học(67)	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(19)	
		5A		126	Nội khoa.(70) Tâm thần.(7) Giải phẫu học.(4)	Huyết học và truyền máu.(11) Hóa sinh.(5)	Thần kinh.(16) Nội tiết.(13)
		5B		126	Lão khoa.(19)	Da liễu.(92)	Gây mê hồi sức.(15)
		5C		86	Nhi khoa.(41) Y học cổ truyền.(28)	Truyền nhiễm.(12)	Lao.(5)
		5D	Dịch tễ học cơ bản	62	Y học dự phòng.(27)	Y tế công cộng.(35)	
		6A	Giải phẫu	13	Giải phẫu bệnh.(10)	Mô phôi.(2)	Sinh lý học.(1)
				128	Ngoại khoa.(29) Ngoại thần kinh - sọ não.(17)	Ngoại - nhi.(7) Ngoại thận và tiết niệu.(18)	Ngoại - lồng ngực.(14) Chấn thương chỉnh hình.(43)
				127	Tai - Mũi - Họng.(49)	Nhân khoa.(41)	Chẩn đoán hình ảnh.(37)
		6C	Hóa hữu cơ	76	Dược lý và dược lâm sàng(76)		
		6D	Giải phẫu	83	Sản phụ khoa.(67)	Ung thư.(16)	
		9A2	Nha khoa cơ sở	32	Răng - Hàm - Mặt(32)		
		PHT12A	Hóa hữu cơ	75	Dược lý và dược lâm sàng(75)		

Thứ năm 08/10/2020 Từ 12 giờ 30 đến 15 giờ	Chuyên khoa cấp I	4A	Giải phẫu	79	Chẩn đoán hình ảnh.(79)		
		4B		79	Chẩn đoán hình ảnh.(79)		
		4C	Sinh lý	90	Nhi khoa.(90)		
		4D		90	Nhi khoa.(90)		
		5A	Giải phẫu	142	Sân phụ khoa.(142)		
		5B	Sinh lý	139	Da liễu.(139)		
		5C		92	Nội khoa.(92)		
		5D		93	Nội khoa.(93)		
		6A	Giải phẫu	126	Chấn thương chỉnh hình.(76)	Phẫu thuật tạo hình tái tạo và thẩm mỹ.(50)	
		6B		139	Ngoại khoa.(53) Ngoại thần kinh - sọ não.(25)	Ngoại - nhi.(8) Ngoại thận và tiết niệu.(25)	Ngoại - lồng ngực.(17) Giải phẫu bệnh.(11)
		6C	Sinh lý	88	Hồi sức cấp cứu.(88)		
		6D		92	Gây mê hồi sức.(74) Huyết học.(18)		
		7A	Giải phẫu	141	Tai - Mũi - Họng.(61)	Nhân khoa.(48)	Ung thư.(32)
		7B	Sinh lý	133	Y học cổ truyền.(38) Thần kinh.(36)	Phục hồi chức năng.(32) Truyền nhiễm.(27)	
		7C		37	Dinh dưỡng.(12) Lao.(11)	Chăm sóc giảm nhẹ.(1) Tâm thần.(8)	Hóa sinh.(3) Vi sinh y học.(2)
				3	Y học dự phòng.(3)		
				32	Y học gia đình.(32)		
		7D	Nha khoa cơ sở	66	Răng - Hàm - Mặt.(66)		
		9A1	Hóa hữu cơ	65	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(27)	Dược lý và dược lâm sàng(22)	Tổ chức Quản lý dược(16)
		9A2	Sinh lý	43	Lão khoa.(43)		
		9C		51	Nội tiết.(51)		

Ghi chú:

- Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng ngày giờ quy định:
 - Sáng: 6 giờ 30.
 - Chiều: 12 giờ 30.
- Khi đi thi thí sinh phải mang đủ:
 - Giấy báo dự thi, Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân.